

Số: 310/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 06 năm 2025; điều chỉnh diện tích dự án, diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với một số dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 32**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét các tờ trình: Tờ trình số 3791/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025, Tờ trình số 3733/TTr-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 và Tờ trình số 3792/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3861/UBND-TC ngày 15 tháng 10 năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 235/BC-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 236/BC-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 06 năm 2025 gồm:

1. Danh mục 02 dự án, công trình thu hồi đất, với tổng diện tích đất cần thu hồi là 10,96 ha (*Biểu số 01 kèm theo*).

2. Danh mục 04 dự án, công trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với tổng diện tích 13,92 ha, gồm: 1,34 ha rừng tự nhiên quy hoạch phòng hộ; 6,98 ha rừng trồng quy hoạch sản xuất và 5,6 ha rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng (*Biểu số 02 kèm theo*).

Điều 2. Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với một số dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

1. Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đối với 02 dự án, công trình tại các nghị quyết: Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Biểu số 03 kèm theo*).

2. Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng đối với 01 dự án, công trình tại Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Biểu số 04 kèm theo*).

3. Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 01 dự án, công trình tại Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Biểu số 05 kèm theo*).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành và cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của các hồ sơ, tài liệu pháp lý được phê duyệt, xác nhận, giải quyết theo thẩm quyền; kết quả thẩm định về đối tượng, tiêu chí, căn cứ, số liệu, thông tin đảm bảo thống nhất, chính xác giữa hồ sơ và thực địa đối với các dự án, công trình; báo cáo tiếp thu, giải trình khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chỉ quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau khi đã đảm bảo đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp, Luật Đầu tư và quy định pháp luật khác có liên quan (về chỉ tiêu sử dụng đất; tiến độ thực hiện

dự án; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan; xử lý các vi phạm trên đất khi chưa được giao đất, cho thuê đất (nếu có)...).

c) Chủ động rà soát đối với các dự án, công trình có điều chỉnh ranh giới, thay đổi diện tích dự án, cơ cấu đất, rừng thu hồi và chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các thủ tục trình điều chỉnh, bổ sung; đồng thời tính toán đầy đủ các nghĩa vụ của chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định đối với phần diện tích điều chỉnh. Cập nhật quy hoạch các dự án, công trình với quy hoạch các lớp đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo các quy định của pháp luật quy hoạch.

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án, công trình, đảm bảo các trình tự, thủ tục theo đúng quy định, mục tiêu sử dụng đất, rừng tiết kiệm, hiệu quả, không làm thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước; kiên quyết xử lý, đề xuất hủy bỏ hoặc thu hồi chủ trương các dự án, công trình chậm tiến độ, vi phạm pháp luật gây lãng phí các nguồn lực đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, người dân.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm (tại kỳ họp thường lệ cuối năm) về kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết.

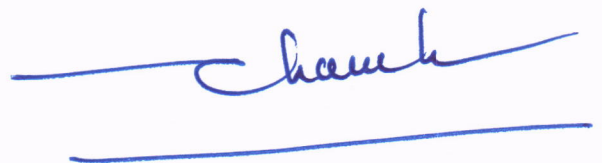
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ7.

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh

**BIỂU SỐ 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 6 NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số **310** /NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện (xã, phường, đặc khu)	Diện tích dự án, công trình (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Các loại đất NN còn lại (ha)	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng (ha)	
	Tổng số: 02 dự án, công trình		14,19	10,96	0,23			7,78	0,16	2,79	
I	Đặc khu Vân Đồn: 01 dự án, công trình		6,20	2,97				0,71		2,26	
1	Dự án Xây dựng bến cảng Con Quy, khu vực Quan Lạn, Đặc khu Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	6,20	2,97				0,71		2,26	
II	Xã Hải Hòa: 01 dự án, công trình		7,99	7,99	0,232			7,07	0,16	0,53	
1	Dự án trạm biến áp 220 KV Cộng Hòa và đường dây đầu nối	Xã Hải Hòa	7,99	7,99	0,232			7,07	0,16	0,53	

**BIỂU SỐ 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỢT 6 NĂM 2025**



(Kèm theo Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

	 Tên dự án, công trình	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ha)						Ghi chú
			Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ		Ngoài quy hoạch ba loại rừng		
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
I	Phường Hoành Bồ: 01 Dự án, công trình	54,850	0,000	0,000	1,340	0,000	0,000	0,000	
1	Dự án Đường ven biển phía Tây Bắc vịnh Cửa Lục kết nối từ cầu Trời 2 qua cầu Tình Yêu và đầu nối vào Quốc lộ 279	54,850			1,340				
II	Xã Hải Hoà: 01 Dự án, công trình	7,990	0,000	6,850	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Dự án Trạm biến áp 220kV Cộng Hòa và đường dây đầu nối tại xã Hải Hòa, tỉnh Quảng Ninh	7,990		6,850					
III	Phường Hạ Long: 01 Dự án, công trình	1,680	0,000	0,130	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Dự án Hạ tầng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư phía bên trái tuyến đường quốc lộ 18A lên trung tâm hội nghị FLC, thuộc khu 7A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	1,680		0,130					
IV	Đặc khu Vân Đồn: 01 Dự án, công trình	296,720	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	5,600	
1	Dự án Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng - giải trí cao cấp, sân golf và khu dân cư Monbay Vân Đồn tương tác hoạt động du lịch	296,72						5,600	
Tổng số: 04 dự án, công trình		361,240	0,000	6,980	1,340	0,000	0,000	5,600	

30

Địa điểm thực hiện dự án

(Kèm theo Nghị quyết số

BIỂU SỐ 04: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH DỰ ÁN, DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết số 310 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	 Địa điểm thực hiện (xã, phường, đặc khu)	Diện tích dự án (ha)	Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng (ha)	Gồm các loại đất (ha)						Ghi chú	
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
					Tổng đất trồng lúa (LUA) (ha)	Đất chuyên trồng lúa (LUC) (ha)	Đất trồng lúa khác (LUK) (ha)					
I	Xã Quảng La: 01 công trình, dự án											
1	Diện tích dự án, diện tích loại đất chuyển mục đích sử dụng đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 10/7/2024											
	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long	Xã Bằng Cả	1,70	0,30	0,30	0,30						
	Diện tích dự án, diện tích loại đất chuyển mục đích sử dụng đất được điều chỉnh lại như sau:											
	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long	Xã Quảng La	1,698	0,312	0,312	0,312					Do điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	
	Tổng số: 01 công trình, dự án											



BIỂU SỐ 05: DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	 Địa điểm thực hiện	Nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/7/2022			Nội dung được điều chỉnh lại			Ghi chú
			Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		
				Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất (ha)	Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ (ha)		Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất (ha)	Rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ (ha)	
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng hồ chứa nước C22 đặc khu Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh	Đặc khu Cô Tô	14,11		4,05	15,470		5,41	Do điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng
Tổng số 01 công trình, dự án						15,47	0,00	5,41	

49